

Đề thi giữa kì 2 môn Tiếng Anh lớp 4 năm 2022 - Đề số 1


Exercise 1: Điền vào chỗ trống từ cho sẵn và thời gian tương ứng với đồng hồ

What time do you.....?

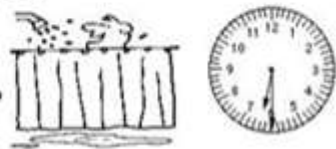
eat breakfast	get up	go to bed
go to school	go home	take a shower

1. What time do you?


I at o'clock.


2. What time do you?


I at half past


3. What time do you?

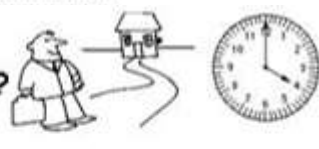
I at


4. What time do you?

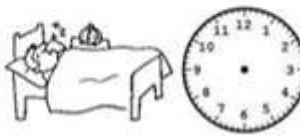
I at


5. What time do you?

I at


6. What time do you?

I at nine o'clock.



Exercise 2: Điền từ để hỏi WHAT, WHAT TIME, WHEN, WHERE, HOW MUCH thích hợp vào chỗ trống

1. _____ is Tet holiday?
2. _____ time is this?
3. _____ is this T-shirt?
4. _____ does your mother do?
5. _____ do they look like?
6. _____ are those pens?
7. _____ is her phone number?
8. _____ is your school?
9. _____ animal do you want to see?
10. _____ is your birthday?

Exercise 3: Chọn đáp án đúng

1. Let's _____ to the bookshop.
A. going B. go
C. to go D. went
2. I have lunch _____ twelve o'clock.
A. at B. to
C. with D. for
3. What _____ her brother do?
A. do B. did
C. is D. does
4. He is _____ engineer.

A. the B. X

C. a D. an

5. How _____ is this dress?

A. much B. many

C. lot of D. some

6. Would you like _____ milk?

A. many B. X

C. some D. any

7. What is your phone _____?

A. mobile B. number

C. home D. way

8. I am going _____ my grandparents this summer.

A. visiting B. visit

C. visits D. to visit

Exercise 4: Chọn từ khác loại

1. A. snake B. dog C. teacher D. kangaroo

2. A. second B. thirteen C. eight D. twelve

3. A. cheap B. much C. expensive D. long

4. A. toy store B. bakery C. hospital D. near

Exercise 5: Sắp xếp các chữ sau thành câu hoàn chỉnh

1. to/ animal/ you/ What/ see/ do/ want?

_____?

2. do/ I/ seven/ homework/ p.m./ at/ my.

_____.

3. some/ like/ coffee/ you/ Would?

_____?

4. is/ or/ What/ shirt/ this/ cheaper/ hat/ that?

_____?

5. in/ works/ My/ an/ office/ mother.

_____.

6. and/ teacher/ tall/ My/ is/ handsome.

_____.

7. can't/ I/ because/ go/ busy/ I'm.

_____.

8. day/ is/ When/ children's/ the?

_____?

Đáp án đề thi Tiếng Anh giữa học kì 2 lớp 4 năm 2022 (Đề số 1)

Exercise 1: Điền vào chỗ trống từ cho sẵn và thời gian tương ứng với đồng hồ

1. get up

get up – six

2. take a shower

take a shower – six

3. eat breakfast

eat breakfast – eleven o'clock

4. go to school

go to school – half past seven

5. go home

go home – four o'clock

6. go to bed

Go to bed (nhớ vẽ đồng hồ số 6 nhé)

Exercise 2: Điền từ để hỏi WHAT, WHAT TIME, WHEN, WHERE, HOW MUCH thích hợp vào chỗ trống

1. When

2. What

3. How much

4. What

5. What

6. How much

7. What

8. Where

9. What

10. When

Exercise 3: Chọn đáp án đúng

1. B 2. A 3. D 4. D

5. A 6. C 7. B 8. D

Exercise 4: Chọn từ khác loại

1. C 2. A 3. B 4. D

Exercise 5: Sắp xếp các chữ sau thành câu hoàn chỉnh

1. What animal do you want to see?
2. I do my homework at seven p.m.
3. Would you like some coffee?
4. What is cheaper, this hat or that shirt?
5. My mother works in an office.
6. My teacher is tall and handsome.
7. I can't go because I'm busy.
8. When is the children's day?

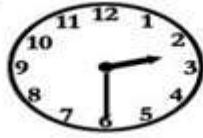
Đề kiểm tra Tiếng Anh lớp 4 giữa kì 2 năm 2022 - Đề số 2**Exercise 1: Chọn từ khác loại**

1. A. visit B. wear C. join D. luck
2. A. fatter B. thinner C. teacher D. bigger
3. A. eat B. fish C. chicken D. beef
4. A. singer B. hospital C. engineer D. farmer

Exercise 2: Nhìn vào đồng hồ và viết giờ tương ứng



1. half past 12



2.



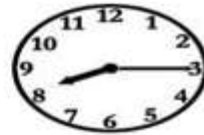
3.



4.



5.



6.



7.



8.



9.

Exercise 3: Chọn đáp án đúng

1. My father is _____ pilot.

- A. a
- B. an
- C. the
- D. X

2. Would you like _____ tea?

- A. many
- B. much
- C. some
- D. little

3. – _____ time is it? – It's one o'clock.

- A. What
- B. When
- C. Who
- D. How

4. – What does he _____ like? – He's tall.

- A. look
- B. do
- C. see
- D. have

5. My birthday is _____ November 1st.

- A. in
- B. at
- C. on
- D. of

6. – What are you doing, Linda? – I'm _____ an email.

- A. reading
- B. listening
- C. writing
- D. speaking

7. He watches TV _____ half-past seven.

- A. to

B. on

C. with

D. at

8. He often _____ his teeth after having breakfast.

A. has

B. brushes

C. washes

D. eats

Exercise 4: Sắp xếp các chữ sau thành câu hoàn chỉnh

1. your/ work/ brother/ Where/ does?

_____?

2. 6 o'clock/ get/ I/ up/ always/ at.

_____.

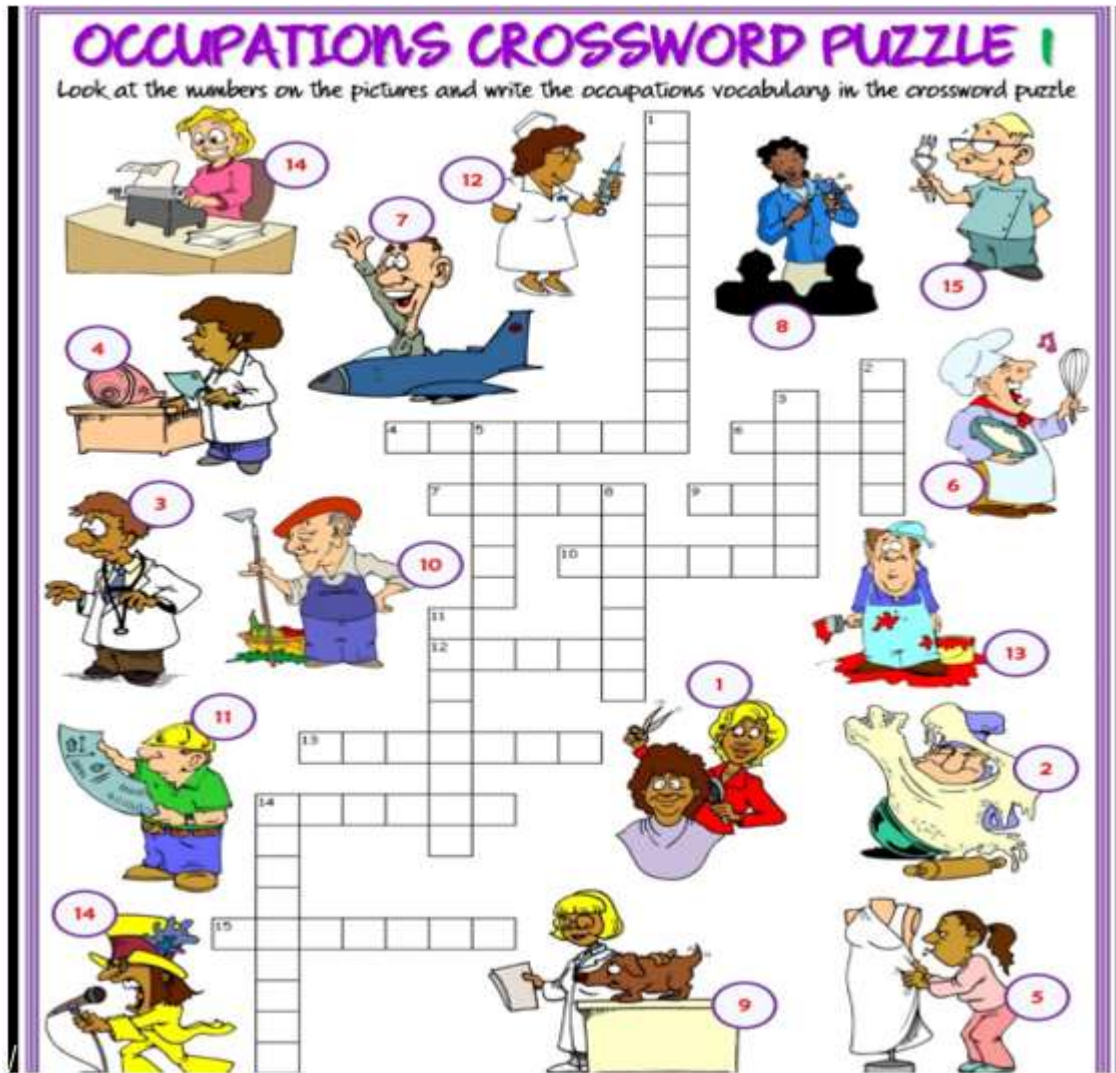
3. you/ Do/ playing/ like/ football?

_____?

4. than/ brother/ dad/ my/ my/ is/ taller.

_____?

Exercise 5: Hoàn thành ô chữ sau



Đáp án đề thi Tiếng Anh lớp 4 giữa kì 2 năm 2022 (Đề số 2)

Exercise 1: Chọn từ khác loại

1. D 2. C 3. A 4. B

Exercise 2: Nhìn vào đồng hồ và viết giờ

- 2. half past two
- 3. seven o'clock
- 4. Half-past eleven
- 5. half past six

6. a quarter past eight
7. a quarter past three
8. half past four
9. a quarter to seven

Exercise 3: Chọn đáp án đúng

1. A 2. C 3. A 4. A
5. C 6. C 7. D 8. B

Exercise 4: Sắp xếp các chữ sau thành câu hoàn chỉnh

1. Where does your brother work?
2. I always get up at 6 o'clock.
3. Do you like playing football?
4. My dad is taller than my brother.

Exercise 5: Hoàn thành ô chữ sau

1. hairdresser
2. baker
3. doctor
4. butcher
5. tailor
6. cook
7. pilot
8. teacher
9. vet

10. farmer
11. engineer
12. nurse
13. painter
14. secretary
15. dentist